

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT

Ngày: 12-5-2021

V/v tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Mai Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Lê Việt D, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021).

Người được ủy quyền lại: anh Trần Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: ấp 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021) – có mặt.

2. Bị đơn: bà Đinh Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của ông Mai Văn H: anh Đậu Viết V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số A, đường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2020) – có mặt.

- Anh Mai Văn C, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người kháng cáo: bà Mai Thị H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:*

Bà là chị chồng của bà Đinh Thị T, vào ngày 16/10/2014 bà có vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, số tiền 400.000.000đ. Cùng ngày bà cho bà Đinh Thị T vay lại số tiền 100.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận trả lãi theo lãi suất của ngân hàng theo như hợp đồng tín dụng bà vay của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh C là 8%/năm. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào bà cần sẽ thông báo cho bà T biết để trả.

Quá trình vay, bà T trả cho bà được 03 tháng tiền lãi bà không nhớ là bao nhiêu tiền, khi trả lãi hai bên không lập giấy tờ gì, không ai làm chứng, sau đó bà T không trả cho bà khoản tiền nào nữa. Vào khoảng tháng 02/2020 thì bà T trả cho bà được 80.000.000đ tiền lãi.

Nay bà yêu cầu bà Đinh Thị T trả tiền nợ gốc cho bà số tiền 100.000.000đ tiền nợ gốc bà không yêu cầu tiền lãi. Bà yêu cầu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị T trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 16/10/2014 bà có vay của bà Mai Thị H số tiền là 100.000.000đ. Số tiền này là do bà H vay Ngân hàng nông nghiệp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi theo lãi ngân hàng cho vay với lãi 8%/năm. Hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán.

Quá trình vay thì bà đã trả cho bà H 02 năm tiền lãi, khi trả lãi thì không có giấy tờ gì. Bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã thanh toán. Đến 22/02/2020, bà tiếp tục trả cho bà H được số tiền là 30.000.000đ tiền lãi và 50.000.000đ tiền nợ gốc.

Bà xác định đây là nợ chung vợ chồng, bà vay tiền để đầu tư canh tác trồng trọt rẫy và chi tiêu trong gia đình cho các con ăn học. Khoản vay này thì ông Mai Văn H là chồng của bà có biết. Vào năm 2019, do vợ chồng chung sống không hạnh phúc thì giữa bà và ông H có thỏa thuận việc phân chia tài sản chung và nợ, thì giữa ông bà có thỏa thuận đối với khoản nợ của bà H, bà trả trả 50.000.000đ tiền nợ gốc và ông H trả 50.000.000đ tiền nợ gốc. Còn tiền lãi bà phải chịu.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ, bà không đồng ý. Bà xác định hiện chỉ còn nợ bà Mai Thị H số tiền 50.000.000đ tiền nợ gốc, tuy nhiên đây là khoản tiền mà ông Mai Văn H là chồng bà phải có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị H.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H trình bày:*

Ông và bà Đinh Thị T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nên ông và bà T ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Thời điểm bà T vay 100.000.000đ của bà Mai Thị H là chị ruột của ông, ông không biết. Đến năm 2015, khi vợ chồng ông ra Tòa đề giải quyết ly hôn thì ông mới được biết khoản nợ này. Tháng 02/2020, bà T tự nói với ông nếu ông rút đơn khởi kiện ly hôn ở tòa về sang nhượng đất, bà T sẽ trả hết các khoản nợ, trong đó có nợ của bà H nên ông đã rút đơn yêu cầu ly hôn với bà T. Ông xác định đây là nợ riêng của bà T, ông không có trách nhiệm cùng bà T trả khoản nợ này cho bà H.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho ông Mai Văn H là anh Đậu Viết V trình bày bổ sung:*

Việc xác lập nợ giữa bà T và bà H thì ông H không biết, trong giấy vay nợ cũng không có chữ ký của ông H, trong vụ việc này người làm chứng là các con của ông H và bà T là không khách quan. Anh xác định đây là nợ riêng của bà T, không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn Châu trình bày:*

Anh là con ruột của ông Mai Văn H và bà Đinh Thị T. Từ ngày 02/11/2019 đến ngày 18/02/2020 gia đình anh đã tự thỏa thuận chia tài sản chung. Trong đó có thỏa thuận ông H và bà T mỗi người được chia số tiền 1.550.000.000đ. Mỗi người chịu trách nhiệm trả 50% số nợ còn lại cho tất cả chủ nợ. Sau khi làm xong các thủ tục phân chia tài sản chung và nhận tiền, ngày 22/02/2020 bà T đã trả cho bà H số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và tiền lãi từ ngày 24/10/2016 đến ngày 22/02/2020 là 30.000.000đ. Phần nợ gốc còn lại là 50.000.000đ do ông H phải trả.

Sáng ngày 28/02/2020, bà H có gọi điện cho anh nói ông H không chịu trả tiền như đã hứa, nên anh đã dẫn bà H đến gặp ông H để nói chuyện, sau đó ông H đã hứa bán tiêu xong sẽ trả cho bà H là 50.000.000đ, vì do tiền sang nhượng

đất đã gửi tiết kiệm ngân hàng. Nay anh xác định số tiền nợ còn lại 50.000.000đ là phần nợ của ông H phải trả cho bà H. Anh không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã áp dụng các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/12/2020, bà Mai Thị H là nguyên đơn gửi đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về kháng cáo: căn cứ trình bày của bà H tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và nội dung thỏa thuận tại Giấy biên nhận thanh toán nợ lập ngày 22/02/2020, đủ cơ sở xác định các bên có thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, bà T đã trả cho bà H 50.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi, 50.000.000đ tiền nợ gốc còn lại ông H có nghĩa vụ trả. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo:

[2.1] Theo trình bày của bà H thì kể từ thời điểm vay số tiền 100.000.000đ ngày 24/10/2014, bà T chỉ trả lãi được hai tháng, đến ngày 22/02/2020 thì trả lãi với số tiền 80.000.000đ, chưa trả nợ gốc. Bà T thì cho rằng bà trả lãi cho bà H được hai năm, ngày 22/02/2020 bà trả cho bà H số tiền 80.000.000đ gồm 30.000.000đ tiền lãi và 50.000.000đ tiền nợ gốc. Tuy trình bày mâu thuẫn với nhau về việc thanh toán nợ gốc và tiền lãi nhưng bà H và bà T cùng thống nhất trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là 8%/năm.

[2.2] Căn cứ lãi suất thỏa thuận nêu trên, thì kể từ thời điểm vay số tiền 100.000.000đ ngày 16/10/2014 đến ngày 20/02/2020, bà T chỉ phải trả số tiền lãi tương ứng là 42.799.999đ, nên việc bà H cho rằng số tiền 80.000.000đ bà T trả

ngày 22/02/2020 chỉ để thanh toán tiền lãi là không phù hợp. Theo trình bày của bà T thì đã trả lãi trong hai năm, tiền lãi tương ứng đã trả sẽ là 16.000.000đ, ngày 22/02/2020 trả thêm 30.000.000đ, tổng cộng là 46.000.000đ, chênh lệch không lớn với tiền lãi tương ứng phải trả theo thỏa thuận. Mặt khác, tại Giấy biên nhận thanh toán nợ lập ngày 22/02/2020 do bà H ký và lặn tay còn thể hiện nội dung bà H nhận của bà Tám số tiền 80.000.000đ, phần nợ còn lại ông Hải có nghĩa vụ thanh toán như những điều đã thỏa thuận mà không có nội dung nào xác định số tiền này chỉ là tiền lãi. Như vậy, trình bày của bà T là có căn cứ, đồng thời xác định vào ngày 22/02/2020, bà T đã trả cho bà Hoa được 50.000.000đ tiền nợ gốc.

[2.3] Khoản nợ trên xác lập trong thời kỳ hôn thực tế giữa bà T và ông Mai Văn H. Ông H cho rằng ông và bà T sống ly thân từ năm 2012, việc bà T vay tiền của bà H ông không biết, đây là khoản nợ riêng của bà T nên không có nghĩa vụ cùng trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân thể hiện ông H và T chung sống với nhau từ năm 1984 đến cuối năm 2015 thì mới ly thân. Đồng thời, tại Bản tự khai đề ngày 15/5/2016 khi tham gia tố tụng vụ án ly hôn giữa ông H với bà H, bà Hoa cũng tự khai bà T vay tiền để lo cho con ăn học, học phí cho con, cũng là cháu của bà, số tiền cho vay bà nghĩ ông H có biết vì gia đình bà T ông H túng bán, gia đình lúc đó đang vui vẻ. Như vậy, trình bày của ông H cho rằng đây là nợ riêng của bà T là không có cơ sở, khoản tiền bà T vay của bà H được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên là nợ chung, ông H phải cùng thực hiện nghĩa vụ chung.

[2.4] Bà T, ông H và bà H cùng anh Mai Văn C thống nhất trình bày việc ông H rút đơn xin ly hôn vào tháng 02/2020 để thỏa thuận phân chia tài sản và giải quyết nợ, nhưng ông H không thừa nhận trình bày của bà T việc ông H có thỏa thuận nhận trả cho bà H số tiền 50.000.000đ nợ gốc cũng như trình bày của anh C xác định có việc thỏa thuận này là không khách quan. Tuy nhiên, căn cứ trình bày của nguyên đơn bà H, cũng là chị ruột ông H tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thì thấy: tại Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 23/9/2020, bà H trình bày các bên có thỏa thuận với ông H việc ông H nhận sẽ trả cho bà H số tiền 50.000.000đ nợ gốc, tiền gốc còn lại và tiền lãi bà T có trách nhiệm trả, do ông H không chịu trả nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ; trả lời câu hỏi của anh C tại phiên tòa sơ thẩm về lý do tại sao bà H đã thỏa thuận vợ chồng bà T ông H cùng trả nợ, bà H đã nhận được tiền từ bà T trả xong phần của bà T thì bà H lại không yêu cầu ông H trả phần của ông H mà lại tiếp tục yêu cầu bà T trả nợ phần của ông H thì bà H trình bày là vì ông H hứa khát 10 ngày bán tiêu trả mà mới 03 ngày anh C kiện ông H nên ông H nói sẽ không trả tiền cho bà H. Căn cứ những lời trình bày này của bà H và nội dung Giấy biên nhận thanh toán nợ lập ngày 22/02/2020 được viện dẫn nêu trên, đã đủ cơ sở xác định các bên có thỏa thuận phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của bà H, ông Hải có trách nhiệm trả 50.000.000đ nợ gốc.

[2.5] Từ những nhận định trên, cùng với việc các bên không có yêu cầu giải quyết về tiền lãi vay, bà H cũng không có yêu cầu xem xét trách nhiệm trả

nợ vay của ông H trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, kháng cáo của bà H không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị H đối với bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H đối với bà Đinh Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí: bà Mai Thị H được miễn án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- TAND H. Xuân Lộc;
- CTHADS tỉnh Đồng Nai;
- CCTHADS H. Tân Phú;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hưng